

Bản án số: **181/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Sỹ Danh Huệ**

2. Bà **Nguyễn Thị Hoa**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Cúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2024/TLST – HN&GD ngày 01 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐ-HPT ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: anh **Hà Hữu K**, sinh năm 1976; Căn cước công dân số: 001076064407 cấp ngày ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đăng ký hộ khẩu và nơi ở: Thị Ngoại, thôn 4, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: chị **Bá Thị H**, sinh năm 1979; Căn cước công dân số: 001179011449 cấp tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đăng ký thường trú: Thị Ngoại, thôn 4, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Anh K có mặt, chị H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hà Hữu K trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký Kt hôn ngày 31 tháng 3 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q theo Giấy chứng nhận Kt hôn số: 11/1999. Sau khi cưới chúng tôi về sinh sống tại: Thị Ngoại, thôn 4, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không hạnh

phúc, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhiều lần nhưng không có Kt quả. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay tôi xác định không còn tình cảm với chị H, tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Tôi xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu **Hà Việt P**, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2000; cháu **Hà Thị Kim T**, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2001; cháu **Hà Hữu Q**, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2014; Hai cháu P, cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Cháu Q đang được tôi chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q. Không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Tôi xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Tôi xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Tôi đồng ý chịu án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**** Bị đơn chị Bá Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa làm việc và không thể hiện quan điểm giải quyết vụ án.***

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:***

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và Điều 227; Điều 228, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh K được ly hôn chị H. Về con chung: anh K và chị H có 03 con chung là cháu **Hà Việt P**, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2000; cháu **Hà Thị Kim T**, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2001; cháu **Hà Hữu Q**, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2014; cháu P, cháu T đã trưởng thành đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Giao anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q. Về tài sản chung và nhà ở nguyên đơn xác định tự thỏa thuận; các khoản vay nợ nguyên đơn xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, Tòa án đã tiến hành lấy ghi khai của đại diện gia đình nguyên đơn và đại diện chính quyền địa phương nơi bị đơn cư trú. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt và bảo lưu toàn bộ lời khai tại bản tự khai, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 liên tiếp, vì vậy Tòa án áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Hà Hữu K và chị Bá Thị H là hợp pháp. Sau khi Kt hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có Kt quả. Anh K xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên giải quyết cho anh K được ly hôn với chị H.

[3] Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của ông Nguyễn Bá Hòa, sinh năm 1954 là bố đẻ của chị H; Đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú: xóm Chùa, thôn 1, xã Cộng Hòa, huyện Q, thành phố Hà Nội. Qua trao đổi đại diện gia đình bị đơn cho biết: Về tình cảm: Con gái tôi là Bá Thị H và con rể tôi là Hà Hữu K có đăng ký Kt hôn ngày 31 tháng 3 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q theo Giấy chứng nhận Kt hôn số: 11/1999. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia

đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có Kt quả. Nay chị H xin ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Về con chung: Chị H, anh K có 03 con chung là cháu cháu Hà Việt P, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2000; cháu Hà Thị Kim T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2001; cháu Hà Hữu Q, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2014; hai cháu P, cháu T đã trưởng thành. Hiện cháu Q đang ở ổn định với bố và ông bà nội tại Thị Ngoại, thôn 4, xã T, huyện Q. Khi ly hôn đề nghị Toà án giao cháu Q cho anh K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục để phù hợp với điều kiện hiện nay của anh K, chị H.

Về tài sản chung và nhà ở: Quan điểm của gia đình để hai anh chị tự quyết định; Về khoản nợ: Gia đình chúng tôi xác nhận không vay nợ hai anh chị và hai anh chị cũng không vay nợ gì gia đình chúng tôi.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương nơi vợ chồng chung sống. Ông Nguyễn Văn Đức - Phó Chủ tịch UBND xã T, ông Đức cho biết: Về quan hệ hôn nhân: anh Hà Hữu K, sinh năm 1976; Căn cước công dân số: 001076064407 cấp ngày ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và chị Bá Thị H, sinh năm 1979; Căn cước công dân số: 001179011449 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Thị Ngoại, thôn 4, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội có đăng ký Kt hôn ngày 31 tháng 3 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q theo Giấy chứng nhận Kt hôn số: 11/1999. Sau khi cưới chị H, anh K về sinh sống tại Thị Ngoại, thôn 4, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhiều lần nhưng không có Kt quả. Nay anh K yêu cầu xin ly hôn chị H, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: anh K và chị H có 03 con chung là cháu Hà Việt P, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2000, cháu Hà Thị Kim T, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2001 và cháu Hà Hữu Q, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2014, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: về quan hệ hôn nhân anh K, chị H Kt hôn hợp pháp trên cơ sở tự nguyện. Sau khi Kt hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có Kt quả. Bị đơn là chị Bá Thị H đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà làm việc và không thể hiện quan điểm giải quyết vụ án. Đồng thời không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay anh K xác định không còn tình cảm với chị H, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử giải quyết cho anh K được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Hà Việt P, sinh, ngày 07 tháng 02 năm 2000, cháu Hà Thị Kim T, sinh ngày 07 tháng 7 năm

2001 và cháu Hà Hữu Q, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2014; Hai cháu P, cháu T đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; tại biên bản ghi ý kiến ngày 05 tháng 6 năm 2024 cháu Q có nguyện vọng được ở cùng với bố và xem xét điều kiện hoàn cảnh, thu nhập hiện nay của anh K đảm bảo để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q, nên giao anh K nuôi dưỡng cháu Q là phù hợp quy định của pháp luật và tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H cho đến khi anh K có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

[6] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): anh K xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện về tài sản chung và nhà ở bằng một vụ án khác khi anh K, chị H có yêu cầu.

Về khoản nợ: anh K xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Hà Hữu K;

Anh Hà Hữu K được ly hôn chị Bá Thị H.

2. Về con chung: Xác nhận anh, chị có 03 con chung là cháu cháu **Hà Việt P**, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2000, cháu **Hà Thị Kim T**, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2001 và cháu **Hà Hữu Q**, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2014; hai cháu P, cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; giao anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng

góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị H cho đến khi anh K có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị Bá Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): anh K xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện về tài sản chung và nhà ở bằng một vụ án khác khi anh K, chị H có yêu cầu.

Về khoản nợ: anh K xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: anh Hà Hữu K phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0020031 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2024; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi Cục THA dân sự huyện Q;
- UBND xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long